

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Nguyệt

2. Bà Phạm Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Y**, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1968. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01/54, khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà **Trần Thị Y** trình bày: Vào năm 2013, bà và ông **Trần Văn L** do tự nguyện thương yêu và chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới, đến ngày 25/7/2022 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau. Bà đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng không có kết quả, sau đó bà về cha mẹ ruột sinh sống nên ông bà ly thân từ năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm gia đình. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông L.

Về con chung: Có một con chung Trần Yến N (nữ), sinh ngày 10/8/2014, hiện ông L đang nuôi. Khi ly hôn bà đồng ý ổn định cho ông L nuôi con đến trưởng thành, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 02/3/2023 và quá trình giải quyết, bị đơn ông Trần Văn L trình bày: Ông và bà Trần Thị Y do tự nguyện thương yêu và chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới, đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau.

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn bà Trần Thị Y.

Về con chung: Có một con tên Trần Yến N (nữ), sinh ngày 10/8/2014. Ông yêu cầu nuôi dưỡng cháu Yến N đến trưởng thành, không yêu cầu bà Yến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thông nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn ông Trần Văn L để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông L có đơn xin vắng mặt (Đơn xin vắng mặt đề ngày 02/3/2023). Do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Y và ông Trần Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, bà Y khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông L chung sống vào năm 2013, đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Y cho rằng từ năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau. Bà đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng không có kết quả, sau đó bà về cha mẹ ruột sinh sống nên ông bà ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà không còn quan tâm gì đến nhau. Do thời gian ly thân đã lâu, bà Y đã không còn tình cảm với ông L nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về phía ông L, mặc dù vắng mặt nhưng trong Bản tự khai ngày 02/3/2023 ông L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, thường xuyên cãi nhau nên ông L đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Y và ông L thống nhất có một con tên Trần Yến N (nữ), sinh ngày 10/8/2014.

Bà Y đồng ý giao cháu Yến N cho ông L nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Yến N mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng

cho đến khi cháu Yến N đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết, ông L yêu cầu nuôi dưỡng cháu Yến N đến trưởng thành, ông L không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông L đang nuôi dưỡng cháu Yến N, ông L có đảm bảo cho cháu điều kiện về sinh hoạt và học tập cũng như đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của trẻ nên cần ổn định cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Yến N đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở bà Y thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y Ngân mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Yến N đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Y và ông L thống nhất không có. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt ông L nên tách phần tài sản chung, nợ chung ra giải quyết thành vụ án khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y được ly hôn ông Trần Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Trần Yến N (nữ), sinh ngày 10/8/2014 cho ông Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Bà Trần Thị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Yến N mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Yến N đủ 18 tuổi. Bà Y có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở bà Y thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Y phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp theo biên lai thu số 0003805 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận bà Y đã nộp xong).

Bà Trần Thị Y phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng